**TAND HUYỆN S**
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ - ST
Ngày 29 - 11 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Thủy
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký TAND huyện S.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S*** *tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐĐVAXX ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C - SN: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

*2. Bị đơn:* Anh Phùng Đình D - SN: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phùng Đình D kết hôn với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Chị C và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Anh D thường xuyên đánh đập, hành hạ chị cả thể xác và tinh thần. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

*Anh Phùng Đình D trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị C trình bày trên là đúng. Theo anh, vợ chồng anh mâu thuẫn với nhau là chuyện bình thường. Nay chị C có đơn xin ly hôn quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con.

2. Về con chung: Chị C và anh D thống nhất có 02 con chung là Phùng Đình V, sinh ngày 17/01/2007 và Phùng Đình T, sinh ngày 18/9/2009. Ly hôn chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu V, anh D trực tiếp nuôi cháu T. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu và yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và công nợ: Anh D và chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân: Chị C và anh D thuận tình ly hôn; về con: Anh, chị thống nhất giao cháu V cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện S đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật HNGĐ. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị C và anh D. Về con: giao cháu V cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị C phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***[1] Về t́ tụng:*** Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện S; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

***[2] Về hôn nhân:*** Anh Phùng Đình D và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét việc anh, chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên công nhận; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

***[3] Về con chung:*** Anh D, chị C thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì anh D, chị C đều có sức khỏe, có việc làm và thu nhập nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh, chị; căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Công văn số 61/2002/KHXX ngày 20/5/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc công nhận thuận tình ly hôn.

***[4] Về tài sản, công nợ:*** Anh D và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

***[5] Về án phí:*** Chị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 NQ

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS. Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật HNGĐ. Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phùng Đình D.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Đình V, sinh ngày 17/01/2007 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phùng Đình T, sinh ngày 18/9/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị C và anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyễn Thị C chịu 300.000đ án phí dân sự sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 1503 ngày 05/10/2017 của Chi cục THADS huyện S. Chị C đã nộp đủ án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã T, huyện S;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Thủy**